

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2023

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Văn C, sinh năm 1971; vắng mặt.

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Vũ Văn C vào năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã K), huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được hai năm đầu, từ đó đến nay ông C nghiện rượu, không lo cho cuộc sống gia đình và bản thân. Bà cùng các con, họ hàng đã khuyên ngăn ông C rất nhiều nhưng không được nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng bà đã sống

ly thân từ năm 2015 đến nay, bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông C.

- Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là chị Vũ Thị Vân A, sinh năm 1991 và chị Vũ Thị Thu T, sinh năm 1994. Các con chung đã thành niên, tự lập cuộc sống nên bà không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Vũ Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng ông có mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, bà B đã bỏ nhà đi từ khoảng năm 2012. Hai vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, ông C cũng không đi tìm bà B về vì bà tự bỏ đi, thỉnh thoảng bà B có về thăm nhà nhưng chỉ kiếm cớ gây sự với ông. Ông xác định không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, nếu bà B có quay về thì ông vẫn chấp nhận. Ông theo đạo Thiên chúa giáo nên hôn nhân chỉ một vợ, một chồng, do vậy ông không đồng ý ly hôn bà B.

- Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Vũ Thị Vân A, sinh năm 1991 và Vũ Thị Thu T, sinh năm 1994. Các con chung đã thành niên, tự lập cuộc sống nên ông không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Bà B giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho bà B ly hôn ông C. Về án phí: Bà B phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông C. Xét thấy ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Vũ Văn C kết hôn vào năm 1991, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã K), huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông C không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2015, không có cuộc sống chung. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã triệu tập nhưng ông C đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông C không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm đối với bà B. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho bà B ly hôn ông C.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà B, ông C có hai con chung là Vũ Thị Vân A, sinh năm 1991 và Vũ Thị Thu T, sinh năm 1994. Hiện chị Vân A và chị T đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B, ông C đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị B ly hôn ông Vũ Văn C.
2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà B đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002207 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Bà B đã nộp đủ án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh